

Số: 279/QĐ-KTCTTL

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của
Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định

CHỦ TỊCH CÔNG TY TNHH KTCT THUỶ LỢI BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật Điện lực, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định 69/2023/NĐ-CP ngày 14/9/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 quy định về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/2/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Văn bản số 4592/UBND-KTTH ngày 22/4/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc chủ trương ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính Công ty ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 24/4/2026.

Điều 3. Các ông (bà): Người quản lý, Kiểm soát viên, Trưởng các phòng, Trưởng các đơn vị trực thuộc, toàn thể người lao động Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Gia Lai (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- Sở NN và MT;
- Lưu: VT, TC.

CHỦ TỊCH

Hồ Nguyên Sĩ

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH
KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH**
(Kèm theo Quyết định số 279 /QĐ- KTCTTL ngày 24 tháng 4 năm 2026
của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Điều lệ này quy định về tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định (sau đây viết tắt là Công ty) thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Trong phạm vi Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Cơ quan đại diện chủ sở hữu" là Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.
- "Đơn vị trực thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện nằm trong cơ cấu Công ty.
- "Công ty con" là doanh nghiệp do Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần, vốn góp chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- "Công ty liên kết" là doanh nghiệp mà Công ty nắm giữ cổ phần, vốn góp không chi phối theo quy định của pháp luật.
- "Công ty tự nguyện tham gia liên kết" là doanh nghiệp không có cổ phần, vốn góp của Công ty nhưng tự nguyện trở thành thành viên liên kết trên cơ sở quan hệ gắn bó về lợi ích kinh tế, công nghệ, thị trường và các dịch vụ kinh doanh khác với Công ty, chịu sự ràng buộc về quyền, nghĩa vụ với Công ty theo hợp đồng liên kết hoặc theo thỏa thuận giữa doanh nghiệp đó với Công ty.
- "Quyền chi phối" là quyền của Công ty đối với một doanh nghiệp khác, bao gồm ít nhất một trong các quyền sau đây:
 - + Quyền của chủ sở hữu duy nhất của doanh nghiệp; quyền của cổ đông, thành viên góp vốn nắm giữ cổ phần, vốn góp chi phối của doanh nghiệp;
 - + Quyền trực tiếp hay gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc của doanh nghiệp;
 - + Quyền quyết định phê duyệt, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của doanh nghiệp;
 - + Các quyền chi phối khác theo thỏa thuận với doanh nghiệp bị chi phối và

được ghi vào Điều lệ của doanh nghiệp bị chi phối.

- “Cổ phần, vốn góp chi phối của Công ty” tại doanh nghiệp khác là số cổ phần hoặc mức vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó.

- “Cổ phần không chi phối, vốn góp không chi phối của Công ty” tại doanh nghiệp khác là cổ phần hoặc mức vốn góp của Công ty chiếm từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp trở xuống.

- “Nghị định số 32/2019/NĐ-CP” là Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên.

- “Nghị định số 159/2020/NĐ-CP” là Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- “Nghị định số 47/2021/NĐ-CP” là Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp.

- “Nghị định số 248/2025/NĐ-CP” là Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 quy định về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

- “Nghị định số 365/2025/NĐ-CP” là Nghị định số 365/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, đánh giá, xếp loại, báo cáo và công khai thông tin trong quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- “Nghị định số 366/2025/NĐ-CP” là Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- “Nghị định số 57/2026/NĐ-CP” là Nghị định số 57/2026/NĐ-CP ngày 12/2/2026 của Chính phủ về cơ cấu lại vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025.

- “Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp” là Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 ngày 14/6/2025.

3. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các văn bản khác có liên quan sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

4. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 2. Tên Công ty, trụ sở chính

1. Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BÌNH ĐỊNH**

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: **BINH DINH IRRIGATION WORKS OPERATION LIMITED COMPANY** (viết tắt: **BinhDinh IWO CO.,LTD**)

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 228 Nguyễn Văn Linh, tổ dân phố Huỳnh Kim, phường An Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: 0256.3835274

Fax: 0256.3836435.

Email: bbtthuyloi@gmail.com Website: khaihacthuyloibinhdinh.com.vn.

3. Logo Công ty:



4. Công ty được thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty là doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình.

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu hoạt động

a) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.

b) Tối đa hóa hiệu quả kinh doanh của Công ty.

c) Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đa ngành nghề, trong đó ngành nghề chính thực hiện nhiệm vụ công ích như: dịch vụ cung ứng nước cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh và các ngành kinh tế khác.

2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi; Dịch vụ tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp, dân sinh và	0161 (Chính)

	các dịch vụ thủy lợi khác	
2	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
3	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San ủi mặt bằng, cải tạo đồng ruộng	4312
4	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi; Khảo sát, thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn thẩm tra dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán công trình	7110
5	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Đầu tư khai thác công trình thủy điện.	3512
6	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Thi công xây dựng, sửa chữa các công trình thủy lợi	4291
7	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
8	Xây dựng nhà để ở	4101
9	Xây dựng nhà không để ở	4102
10	Xây dựng công trình đường bộ	4212
11	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình điện dân dụng, điện công nghiệp, điện chiếu sáng công cộng	4221
12	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
13	Phá dỡ Chi tiết: Phá dỡ công trình xây dựng	4311
14	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương cây giống cây lâm nghiệp Chi tiết: Trồng rừng và chăm sóc cây thân gỗ; Ương giống cây lâm nghiệp	0210
15	Đại lý du lịch Chi tiết: Hoạt động du lịch tại các công trình thủy lợi	7911

Điều 5. Mức vốn điều lệ

1. Mức vốn điều lệ của Công ty là: **435.588.000.000 đồng** (bằng chữ: Bốn trăm ba mươi lăm tỷ, năm trăm tám mươi tám triệu đồng).

2. Việc bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

3. Thẩm quyền, hồ sơ, thủ tục và trình tự đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 6. Cơ quan đại diện chủ sở hữu

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Công ty.

Việc thực hiện quyền, trách nhiệm của Cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 7. Người đại diện theo pháp luật

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải thường trú tại Việt Nam; nếu vắng mặt quá 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ của Công ty.

Điều 8. Quản lý nhà nước

Công ty chịu sự quản lý của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, đồng thời chịu sự giám sát, kiểm tra của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty

1. Quyền của Công ty đối với vốn, tài sản, đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Quyền về kinh doanh và tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định của Điều

7 Luật Doanh nghiệp; phù hợp với mục tiêu hoạt động và ngành, nghề kinh doanh quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 4 của Điều lệ này.

3. Quyền về quản lý lao động, tiền lương, tiền thưởng và tổ chức công tác cán bộ, nhân sự theo quy định của Bộ luật lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP, Nghị định số 248/2025/NĐ-CP, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Quyền được hỗ trợ, tạo điều kiện vật chất và các lợi ích tài chính khác khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Điều 11. Nghĩa vụ của Công ty

1. Công ty có nghĩa vụ đối với vốn, tài sản đầu tư và quản lý tài chính theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Nghị định số 366/2025/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ trong kinh doanh:

a) Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký;

b) Đổi mới, hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

c) Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động và quyền tham gia quản lý Công ty của người lao động theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của chủ sở hữu;

đ) Tuân theo các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hóa, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường;

e) Thực hiện việc quản lý rủi ro và bảo hiểm cho tài sản, trách nhiệm, con người của Công ty trong sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật;

g) Chịu sự giám sát của Nhà nước trong thực hiện các quy định về thang, bảng lương; đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động, Chủ tịch công ty, Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác;

h) Chịu sự giám sát, kiểm tra của chủ sở hữu nhà nước; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

i) Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc sử dụng vốn đầu tư để thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác;

k) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được Nhà nước giao.

3. Nghĩa vụ khi tham gia hoạt động công ích (nếu có) theo quy định của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

Chương III **TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY**

Điều 12. Mô hình tổ chức, quản lý Công ty

Công ty được tổ chức theo mô hình Chủ tịch công ty, Giám đốc, Ban Kiểm soát theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Mục 1 **CHỦ TỊCH CÔNG TY**

Điều 13. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Chủ tịch công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ, trừ trường hợp đã có trên 15 năm làm việc liên tục tại Công ty trước khi được bổ nhiệm lần đầu. Tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này.

2. Chủ tịch công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty theo quy định của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 14 và Điều 17 của Điều lệ này.

3. Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm Giám đốc công ty nhưng không được kiêm nhiệm các chức danh quản lý của doanh nghiệp khác.

4. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5. Các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh "Chủ tịch công ty".

6. Quyết định của Chủ tịch công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch công ty, trừ trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

7. Trường hợp Chủ tịch công ty vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty và được sự chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty quyết định sau khi cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt về các nội dung sau đây:

a) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, đối với Giám đốc công ty, Phó Giám đốc công ty, Kế toán trưởng công ty;

b) Huy động vốn, cho vay vốn, hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của Công ty có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo quy định tại các Điều 19, 20, 21 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP;

c) Tiến hành ký hợp đồng cho thuê, thuê mua, thế chấp, cầm cố, mua bán tài sản cố định có giá trị lớn hơn mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo Điều 22 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP;

d) Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

đ) Tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp;

e) Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp;

2. Chủ tịch công ty quyết định về các nội dung sau đây:

a) Ban hành điều lệ hoạt động; ban hành điều lệ sửa đổi bổ sung (nếu có) sau khi có ý kiến chấp thuận về nội dung điều lệ của cơ quan đại diện chủ sở hữu; ban hành quy chế tài chính, quy chế quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định, quy chế nội bộ, quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty và quy chế quản lý sử dụng các quỹ để áp dụng trong Công ty;

b) Ban hành, điều chỉnh chiến lược phát triển doanh nghiệp, kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty.

c) Quyết định tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người lao động, các chức danh quản lý của Công ty;

d) Quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc quyết định phương án huy động vốn, cho vay vốn, hoạt động đầu tư, chuyển nhượng dự án đầu tư, vốn đầu tư của Công ty có giá trị theo mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo quy định tại các Điều 19, 20, 21 của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

e) Quyết định để Giám đốc công ty tiến hành ký hợp đồng cho thuê, thuê mua, thế chấp, cầm cố, mua bán tài sản cố định có giá trị theo mức phân cấp cho Chủ tịch công ty theo Điều 22 Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP;

3. Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

4. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, chi nhánh,

văn phòng đại diện.

5. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước Cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn; báo cáo kịp thời Cơ quan đại diện chủ sở hữu khi Công ty hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

6. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về vi phạm gây tổn thất vốn, tài sản của Công ty.

7. Chủ tịch công ty thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 15. Tiêu chuẩn và điều kiện Chủ tịch công ty

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.

4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

5. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.

Điều 16. Miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

b) Có đơn xin từ chức và được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản.

c) Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu.

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao.

đ) Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ.

2. Chủ tịch công ty bị cách chức trong những trường hợp sau đây:

a) Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

b) Bị Tòa án kết án và bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

c) Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân

khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất, kinh doanh của Công ty.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm hoặc cách chức Chủ tịch công ty, Cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.

Điều 17. Trách nhiệm của Chủ tịch công ty

1. Tuân thủ Điều lệ công ty, quyết định của Cơ quan đại diện chủ sở hữu và quy định của pháp luật.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty và Nhà nước.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Nhà nước; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

Mục 2 GIÁM ĐỐC VÀ BỘ MÁY ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 18. Giám đốc

1. Giám đốc công ty do Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự đã được Cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá 05 năm.

2. Giám đốc công ty phải có trình độ chuyên môn đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của Công ty; đồng thời phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của Công ty;

b) Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty và của Chủ sở hữu công ty;

c) Quyết định các công việc hằng ngày của Công ty;

d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty đã được Chủ tịch công ty chấp thuận;

đ) Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động đối với các chức danh quản lý theo phân cấp thẩm quyền, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

e) Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

g) Lập và trình Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính;

h) Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;

i) Tuyển dụng lao động;

k) Kiến nghị phương án tổ chức lại Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 101 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn xin nghỉ việc.

5. Giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp không bảo toàn được vốn theo quy định của pháp luật;

b) Doanh nghiệp không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;

c) Doanh nghiệp vi phạm pháp luật;

d) Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của doanh nghiệp;

đ) Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý quy định tại Điều 97 và Điều 100 của Luật Doanh nghiệp.

6. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Công ty có thể kiêm Giám đốc Công ty theo Quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Quan hệ giữa Chủ tịch công ty và Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc báo cáo với Chủ tịch công ty để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Chủ tịch công ty

không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu, nhưng vẫn phải thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty.

2. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc phải mời Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch công ty hoặc trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không kết luận cuộc họp.

Điều 20. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty

a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty;

b) Báo cáo Chủ sở hữu công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 21. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc

1. Phó Giám đốc được giao điều hành Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc công ty; chịu trách nhiệm trước Giám đốc công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Số lượng Phó Giám đốc không quá 02 người. Chủ tịch công ty quyết định cơ cấu, số lượng Phó Giám đốc theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động.

2. Kế toán trưởng do Chủ tịch công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Giám đốc sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Cơ quan đại diện chủ sở hữu, có tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ phù hợp với quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Thời hạn bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng

do Chủ tịch công ty quyết định, nhưng không quá 5 (năm) năm. Phó Giám đốc, Kế toán trưởng có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

4. Bộ máy giúp việc gồm văn phòng, các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch công ty, Giám đốc công ty quản lý, điều hành Công ty.

Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc công ty quyết định sau khi được Chủ tịch công ty chấp thuận.

Điều 22. Kiểm soát viên

1. Chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm 01 Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục tại Công ty đó.

2. Một cá nhân có thể đồng thời được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước.

3. Tiền lương, thưởng các quyền lợi khác của Kiểm soát viên do Công ty xây dựng và được tính vào chi phí quản lý Công ty. Cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến về mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng cụ thể của Kiểm soát viên và thông báo để Công ty chi trả cho Kiểm soát viên.

4. Kiểm soát viên được hưởng chế độ phúc lợi, ưu đãi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể của doanh nghiệp như cán bộ, nhân viên và người lao động của Công ty.

Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.

2. Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu Chủ sở hữu công ty; Chủ tịch công ty; Giám đốc; Phó giám đốc, Kế toán trưởng; Kiểm soát viên khác của Công ty.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Quyền của Kiểm soát viên:

a) Tham gia các cuộc họp, các cuộc tham vấn, trao đổi chính thức và không chính thức của Chủ sở hữu công ty với Chủ tịch công ty; chất vấn Chủ tịch công ty và Giám đốc về kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý, điều hành Công ty;

b) Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý, điều hành của Chủ tịch công ty, Giám đốc khi

xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu;

c) Yêu cầu Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty;

d) Yêu cầu người quản lý Công ty báo cáo về thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

đ) Đề nghị Chủ sở hữu công ty thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán để tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên: Kiểm soát viên thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 104 Luật Doanh nghiệp và các quy định sau:

a) Xây dựng Kế hoạch công tác hằng năm, trình Chủ sở hữu phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt.

Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo Chủ sở hữu công ty.

b) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu công ty; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước, Công ty và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Nhà nước và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

5. Báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu công ty và cá nhân có liên quan, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

a) Phát hiện Chủ tịch công ty, Giám đốc và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

b) Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ Công ty.

Điều 26. Miễn nhiệm, cách chức Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ này;

b) Có đơn xin từ chức và được Chủ sở hữu công ty chấp thuận;

c) Được Chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;

d) Trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 27. Đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc của Công ty hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt; được Công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí nằm trong chi phí chung của Công ty và được tổ chức thực hiện chế độ lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ do Công ty giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi theo chế độ.

2. Đơn vị hạch toán phụ thuộc là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại Công ty và thuộc sở hữu của Công ty.

3. Tổ chức quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi theo đúng quy trình vận hành đã được phê duyệt; tuân thủ quy định kỹ thuật, đảm bảo an toàn công trình, an toàn hạ du và đảm bảo phát huy nhiệm vụ của công trình.

4. Điều tiết, phân phối, sử dụng hợp lý nguồn nước trong hệ thống theo kế hoạch và nhu cầu thực tế; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, tổ chức dùng nước và các bên liên quan để đảm bảo cấp nước đúng đối tượng, đúng thời

gian, đúng định mức, tiết kiệm và hiệu quả.

5. Tổ chức kiểm tra, theo dõi thường xuyên hiện trạng công trình, kịp thời phát hiện, xử lý các hư hỏng, sự cố kỹ thuật hoặc rủi ro tiềm ẩn; thực hiện đầy đủ công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình và thiết bị theo quy định.

6. Tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi theo phân cấp quản lý; phối hợp với chính quyền, lực lượng chức năng trong công tác kiểm tra, giám sát hành lang bảo vệ công trình, xử lý vi phạm hành lang theo thẩm quyền.

7. Quản lý, sử dụng tài sản, trang thiết bị, phương tiện được giao đúng mục đích, đảm bảo hiệu quả, tránh thất thoát, hư hỏng hoặc lãng phí; thực hiện đầy đủ việc ghi chép, báo cáo tài sản theo quy định của Công ty.

8. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch Công ty và trước pháp luật về việc quản lý, khai thác, vận hành và bảo vệ hệ thống công trình thủy lợi trong phạm vi được giao.

9. Văn phòng đại diện, chi nhánh và các địa điểm kinh doanh hoạt động theo quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt và ban hành phù hợp với quy định pháp luật có liên quan. Trong quá trình hoạt động, Chủ tịch công ty quyết định hoặc phê duyệt việc thành lập mới hoặc chấm dứt hoạt động các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Chủ tịch công ty có thể thành lập “Kiểm soát nội bộ theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về kiểm toán nội bộ” để giúp Chủ tịch công ty kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh và quản lý điều hành trong Công ty. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, điều kiện, tiền lương, tiền thưởng, các vấn đề khác có liên quan của Ban kiểm soát nội bộ theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ do Chủ tịch công ty ban hành.

Mục 3

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 28. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động Công ty.
2. Tổ chức công đoàn Công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

- a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên

quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;

c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;

d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;

đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;

e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong công ty cũng như mối quan hệ giữa công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương IV **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Điều 30. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ quy định tại Điều 5 của Điều lệ này có thể tăng trong quá trình hoạt động. Chủ sở hữu công ty phê duyệt tăng vốn điều lệ cho Công ty căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển và mở rộng quy mô, hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc thù hoạt động của Công ty. Mức vốn điều lệ của doanh nghiệp được xác định lại tương ứng với vốn đầu tư của chủ sở hữu (mã số 411 trên bảng cân đối kế toán) theo Báo cáo tài chính năm tại thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất với thời điểm

xác định lại vốn điều lệ sau khi được cơ quan đại diện chủ sở hữu rà soát, xác định lại.

2. Hồ sơ, thủ tục và trình tự đầu tư bổ sung vốn điều lệ thực hiện theo quy định tại Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP.

Điều 31. Quản lý tài chính Công ty

Quản lý tài chính của Công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính Công ty do Chủ tịch Công ty ban hành phù hợp với quy định có liên quan của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 366/2025/NĐ-CP bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của Công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty; quyền, trách nhiệm của Công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn Người đại diện của công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

4. Những nội dung khác có liên quan.

Điều 32. Căn cứ và phương pháp xác định tiền lương, thưởng của người quản lý và Kiểm soát viên

1. Người quản lý và Kiểm soát viên được xếp lương theo bảng lương của Công ty xây dựng, ban hành làm cơ sở để thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác theo quy định của pháp luật lao động và hưởng tiền lương, tiền thưởng do Công ty chi trả được tính trong quỹ tiền lương chung và quỹ tiền thưởng của Công ty.

2. Căn cứ quỹ tiền lương chung và quỹ tiền thưởng, quy chế tiền lương, tiền thưởng của Công ty, Chủ tịch Công ty quyết định chi trả mức tiền lương, tiền thưởng cụ thể cho người quản lý theo chức danh, chức vụ đảm nhận tại Công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu cho ý kiến về mức tiền lương, thù lao, tiền thưởng cụ thể của Kiểm soát viên và thông báo để Công ty chi trả cho Kiểm soát viên. Mức tiền lương, tiền thưởng chi trả cho Chủ tịch, kiểm soát viên Công ty không vượt quá mức tiền lương, tiền thưởng tối đa quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP.

3. Mức tiền lương của người quản lý, Kiểm soát viên được xác định căn cứ vào hiệu quả kinh doanh, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng người quản lý, Kiểm soát viên.

4. Tiền lương, của người quản lý, Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Chương V

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức lại Công ty

Các hình thức, điều kiện, thẩm quyền quyết định, hồ sơ, trình tự, thủ tục tổ chức lại Công ty thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp, Nghị định số 57/2026/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 34. Chuyển đổi sở hữu Công ty

Cơ quan đại diện Chủ sở hữu quyết định việc chuyển đổi Công ty thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 35. Tạm ngừng kinh doanh

1. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu quyết định việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty theo đề nghị của Chủ tịch công ty. Quyết định tạm ngừng kinh doanh của Cơ quan đại diện Chủ sở hữu phải được lập thành văn bản.

2. Công ty phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu Công ty tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện Công ty không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, Công ty phải nộp đủ số thuế còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp Công ty, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác.

Điều 36. Giải thể Công ty

1. Công ty bị xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;

b) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Kinh doanh thua lỗ 03 năm liên tiếp và có số lỗ lũy kế bằng 3/4 vốn nhà nước tại Công ty trở lên, nhưng chưa lâm vào tình trạng phá sản;

d) Không thực hiện được các nhiệm vụ do Nhà nước giao trong thời gian 02 năm liên tiếp sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết;

đ) Việc tiếp tục duy trì Công ty là không cần thiết.

2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Việc giải thể công ty phải phù hợp với Đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới,

tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trường hợp việc giải thể công ty chưa được quy định tại Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước, cơ quan quyết định thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Thời gian giải thể công ty không quá 01 năm kể từ ngày quyết định giải thể công ty có hiệu lực. Trường hợp đặc biệt được người quyết định giải thể công ty đồng ý bằng văn bản, thời gian giải thể công ty có thể kéo dài thêm không quá 06 tháng.

5. Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thời hạn giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 209 Luật doanh nghiệp.

6. Trình tự, thủ tục giải thể: Thực hiện theo Điều 208 Luật Doanh nghiệp; Nghị định số 57/2026/NĐ-CP; pháp luật về thuế và pháp luật có liên quan.

Điều 37. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Luật phá sản.

Chương VI CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 38. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, các cán bộ quản lý của Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của công ty.

Điều 39. Báo cáo và thông tin cho Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

1. Chủ tịch công ty lập và gửi Cơ quan đại diện chủ sở hữu những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của Công ty;
- b) Báo cáo về tình hình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có);
- c) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên trình Cơ quan đại diện chủ sở hữu:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cân trọng của Chủ tịch công ty, Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Cơ quan đại diện chủ sở hữu trong từng trường hợp.

Điều 40. Công khai thông tin

1. Công ty thực hiện việc công bố thông tin định kỳ và thông tin bất thường theo quy định của Điều 109 và Điều 110 Luật Doanh nghiệp; từ Điều 20 đến Điều 26 Nghị định số 47/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của Công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương VII

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 41. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

1. Chủ tịch Công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty sau khi có ý kiến chấp thuận về nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Điều lệ sửa đổi bổ sung phải đảm bảo nội dung được quy định tại Điều 24 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 42. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch công ty, Giám đốc quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong Công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra các cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 44. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này gồm: 8 chương, 45 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch công ty phê duyệt.

Điều 45. Phạm vi thi hành

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty.
2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của Điều lệ.
3. Trong quá trình tổ chức quản lý Công ty theo Điều lệ này, nếu phát sinh vướng mắc cần sửa đổi thì Chủ tịch công ty đề nghị thông qua các cơ quan chức năng của tỉnh thẩm định và trình xin ý kiến chấp thuận của Cơ quan đại diện chủ sở hữu để ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
4. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Điều lệ hoặc trong trường hợp các quy định của pháp luật hiện hành thay đổi dẫn đến mâu thuẫn với những quy định tại Điều lệ này thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật./.